

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/HS-ST
Ngày 10-6-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Mạnh Cường.

Thẩm phán: ông Hoàng Đức Trường.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Thanh Toàn, ông Trần Quyết Tiên, bà Phùng Thị Thương.

- Thư ký phiên tòa: ông Vũ Văn Thuận - Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: ông Phùng Bá Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 10/6/2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 17/2021/TLST-HS ngày 26/3/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2021/QĐXXST-HS ngày 28/5/2021 đối với bị cáo:

Họ và tên Hoàng Văn N, sinh ngày 03/5/1991, tại xã N, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Nơi thường trú thôn K, xã N, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Giấy; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn L (đã chết) và bà Hoàng Thị S, sinh năm 1960; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 06/10/2020; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: bà Phạm Thị L1, Luật sư Văn phòng Luật sư Phạm Thị L1 và cộng sự thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Hà Giang; địa chỉ phường M, thành phố H; có mặt.

- Bị hại: anh Vi Quang H, sinh năm 1998 (đã chết); người đại diện hợp pháp của bị hại ông Vi Trung H1, sinh năm 1978 (là bố đẻ của bị hại); địa chỉ thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Đỗ Xuân H2, sinh năm 1983; địa chỉ xã N, huyện V, tỉnh Hà Giang; có mặt.

- Người làm chứng: Hoàng Văn T; có mặt, Ngô Văn H3, Hoàng Văn T1; vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 30 ngày 03/10/2020, khi Hoàng Văn N đang ở nhà Hoàng Văn T ở cùng thôn thì Vi Quang H gọi điện thoại cho Hoàng Văn N bảo lên nhà Hoàng Văn T1 để trả tiền cho H, do N nợ H trước đó (*vay nợ không có giấy tờ*) do bức tức bị H đòi nợ nên N đã nảy sinh ý định đánh H, nên hẹn H xuống ngã ba đường liên thôn K để nói chuyện rồi tắt máy và quay ra nói với T “*T ơi cho tao mượn cái kia tí*” (ý N nói là đưa gậy ba khúc cho N), T không nói gì đi vào bếp lấy 01 gậy ba khúc bằng kim loại dài 63,6cm, đoạn to nhất dài 24,1cm, đường kính 2,5cm, đoạn nhỏ nhất dài 19,7cm, đường kính 1,1cm rồi đưa cho N mượn, N cầm gậy đi xuống ngã ba đường liên thôn K để đợi H. Tại ngã ba đường liên thôn K, N để gậy ba khúc xuống nền đường đất đá sát mép đường bên trái phía taluy dương xong cởi áo khoác và mũ để xuống đất sát lề đường phía taluy âm rồi quay lại đứng giữa ngã ba cách vị trí để gậy ba khúc là 1,1m. Khoảng 04-05 phút sau, H đi một mình bằng xe máy nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, màu vàng đen, biển kiểm soát 23H1-032.03 từ đường liên thôn đến chỗ N. Khi đến nơi H dựng xe máy ở mép đường phía taluy âm cách vị trí của N là 2,7m, rồi xuống xe đến đứng cách N 1,2m rồi hai người nói chuyện, N nói “*Lấy bao nhiêu tiền lãi*”, H trả lời “*gốc là 12 triệu, cả tiền gốc và lãi là 35 triệu*”, do H lấy lãi quá cao nên giữa N và H xảy ra cãi nhau, được khoảng 10 phút, H đứng xoay người ra phía taluy âm hướng ra ruộng của gia đình ông Hoàng Văn N1 (quay lưng về phía N), lúc này N nảy sinh ý định đánh H, N nghiêng người sang trái cúi xuống dùng tay trái nhặt gậy ba khúc ở dưới đất lên và chuyển gậy qua sau lưng sang tay phải, bước chân trái lên một bước, đứng phía sau bên trái thân người của H, cách H 0,65m, đồng thời tay phải cầm gậy vung từ dưới lên ngang đầu vụt 01 phát với lực mạnh theo hướng chéo chéo từ trên xuống dưới, từ phải qua trái (*lúc này khúc thứ ba của gậy bật ra*) trúng vào vùng đỉnh cằm trái của H, H gục đầu về phía trước, N cầm gậy vung lên vụt tiếp 01 phát theo chiều từ trên xuống dưới với lực mạnh trúng vào vùng đỉnh cằm phải của H, H gục đầu nghiêng sang phải, N vụt tiếp 01 phát theo chiều từ trên xuống dưới với lực mạnh trúng vào vùng đỉnh phải đầu của H làm H ngã ngối xuống đất nghiêng bên phải, N tiếp tục cầm gậy vụt liên tiếp 02 phát với lực mạnh trúng vào vùng lưng của H làm H ngã nằm xuống đất nghiêng bên phải cạnh xe máy, đầu của H quay về hướng đi ra Quốc lộ 4C, khi thấy H không còn cử động, N đi đến vị trí cạnh đuôi xe máy của H tay cầm gậy ném xuống phía taluy âm bãi ruộng của gia đình ông Hoàng Văn N1 cách vị trí N đứng là 36,1m, sau đó nhìn thấy ở ổ khóa xe máy của H vẫn đang cắm chìa khóa nên N dùng tay phải rút chìa khóa ra khỏi ổ khóa ném tiếp về phía bãi ruộng cách vị trí của N là 38,45m, sau đó nhìn thấy tay mình dính nhiều máu, nên bỏ chạy theo đường bê tông, chạy men theo đường bờ ruộng xuống suối, rửa chân tay rồi ngủ ở tại ruộng. Đến khoảng 20 giờ 50 phút cùng ngày, Lù Seo C, Ly Văn Đ, Phan Văn H4 và Hoàng Văn N1 đi chơi qua phát hiện thấy Vi Quang H đang nằm bất tỉnh, đầu chảy nhiều máu, nên Lù Seo C đã gọi điện thoại thông báo cho Ngô Văn H3 (là bạn của Vi Quang H) biết, khoảng 5 phút sau H3 cùng Hoàng Văn T1 đến, sau

đó H3 và T1 đã đưa H đi cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa huyện Q, sau đó Vi Quang H được chuyển đến Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang. Do vết thương quá nặng, đến ngày 05/10/2020 H đã tử vong.

Tại bản kết luận giám định pháp y tử thi số 337/KLPY-PC09 ngày 03/11/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang, kết luận: nguyên nhân chết của Vi Quang H là do Chấn thương sọ não điều trị không hồi phục; cơ chế hình thành thương tích đối với các tổn thương sừng nê, bầm tụ máu, rách ra bờ mép bầm dập đã được khâu ở vùng đầu do vật tày gây ra.

Tại Bản kết luận Giám định pháp y trên hồ sơ số 03/GĐHS ngày 29/12/2020 của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh Hà Giang, kết luận: tang vật 01 gậy rút bằng kim loại là hung khí có thể phù hợp để gây nên 03 vết thương vùng đầu của tử thi Vi Quang H.

Tại Cáo trạng số 15/CT-VKS-P2 ngày 25/3/2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố bị cáo Hoàng Văn N về tội Giết người theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo Hoàng Văn N xác nhận vào 19 giờ phút ngày 03/10/2020 tại ngã ba đường liên thôn K, xã N, huyện Y, tỉnh Hà Giang do bức tức vì bị H đòi nợ và tính lải xuat cao, sau đó hai bên xảy ra cãi vã, do bức tức không kiềm chế được bản thân nên bị cáo đã nảy sinh ý định đánh Vi Quang H, bị cáo đã sử dụng gậy ba khúc đánh nhiều phát vào vùng đầu của H khiến H tử vong do bị chấn thương sọ não. Sau khi sự việc xảy ra bị cáo đã rất ân hận về lỗi lầm của mình, bị cáo đã tự nguyện sử dụng số tiền 13.060.000 đồng để bồi thường một phần tổn thất cho gia đình bị hại nên đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp cho bị hại trình bày: không chấp nhận việc bị cáo bồi thường số tiền là 13.060.000 đồng, đồng thời yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho gia đình bị hại số tiền là 200.799.400 đồng. Trong đó tiền viện phí là 299.400 đồng, tiền thuê xe đưa từ bệnh viện về nhà 2.500.000 đồng, tiền áo quan 8.000.000 đồng, tiền chi phí tổ chức đám tang 40.000.000 đồng, tiền tổn thất về tinh thần 150.000.000 đồng. Về hình phạt đề nghị HĐXX xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đã phân tích đánh giá chứng cứ và những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị:

Về tội danh: tuyên bố bị cáo Hoàng Văn N phạm tội Giết người.

Về hình phạt: áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn N từ 15 đến 16 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 06/10/2020.

Về trách nhiệm dân sự: đề nghị HĐXX áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 591 Bộ luật Dân sự, Điều 48 Bộ luật Hình sự xem xét theo quy định của pháp luật.

Về vật chứng vụ án: đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 tịch thu tiêu hủy các vật chứng của vụ án do có liên quan đến tội phạm và không còn giá trị sử dụng.

Về án phí: căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị HĐXX xem xét miễn án phí cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo là Luật sư Phạm Thị L đề nghị: về tội danh nhất trí với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát; về hình phạt trong quá trình truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại; bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng sâu, vùng xa, không được ăn học, nhận thức pháp luật còn hạn chế, chưa có tiền án, tiền sự nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo với mức án thấp nhất như đề nghị của Kiểm sát viên để bị cáo sớm được trở về đoàn tụ cùng gia đình.

Về trách nhiệm dân sự: mức bồi thường thiệt hại mà người đại diện hợp pháp cho bị cáo yêu cầu là quá cao và không hợp lý, nên đề nghị HĐXX căn cứ vào các quy định của pháp luật để xem xét cho hợp tình, hợp lý. Ghi nhận sự thỏa thuận về việc trả khoản nợ 12.000.000 đồng cho gia đình bị bị hại.

Về án phí: bị cáo sống ở vùng sâu, vùng xa nên đề nghị HĐXX xem xét miễn, giảm án phí cho bị cáo.

Trong lời nói sau cùng bị cáo nhất trí với lời bào chữa của luật sư và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; về trách nhiệm dân sự đề nghị HĐXX xem xét theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa, người đại diện hợp pháp cho bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt Ngô Văn H3, Hoàng Văn T1 không có lý do.

[3] HĐXX xét thấy những người làm chứng vắng mặt nhưng đã có lời khai có trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên căn cứ Điều 293, Điều 299 Bộ luật Tố tụng hình sự, HĐXX thảo luận và quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[4] Về tội danh: tại phiên tòa bị cáo Hoàng Văn N xác nhận cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội Giết người là đúng, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong giai đoạn điều tra, truy tố, không mâu thuẫn.

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo N còn được chứng minh lời khai của những người làm chứng, người có quyền, nghĩa vụ có liên quan, kết quả khám nghiệm hiện trường, thực nghiệm điều tra, kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[6] Bị cáo N là người có năng lực hành vi, có nhận thức nhất định về pháp luật, bị cáo buộc phải biết việc sử dụng gậy ba khúc bằng kim loại để đánh vào đầu người khác là vùng trọng yếu trên thân thể có thể dẫn đến hậu quả chết người, chỉ vì lý do nhỏ nhất là bị H đòi nợ và cho rằng bị hại tính lãi xuất cao nên giữa hai người xảy ra cãi vã, do bức tức N đã nảy sinh ý định đánh H, lợi dụng lúc H không đề ý, N đã sử dụng gậy ba khúc bằng kim loại để đánh nhiều phát vào vùng đầu và vùng lưng của Vi Quang H dẫn đến H tử vong sau đó do chấn thương sọ não, điều trị không hồi phục. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định bị cáo H phạm tội Giết người với tình tiết định khung là có tính chất côn đồ, tội danh và hình phạt quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[7] Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng với lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về sức khỏe, tính mạng đã được pháp luật hình sự bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi mà bị cáo đã gây ra cần có mức hình phạt nghiêm khắc, để đảm bảo tác dụng giáo dục, cải tạo, răn đe người phạm tội và làm gương cho những người khác.

[8] Về tình tiết tăng nặng: không.

[9] Về tình tiết giảm nhẹ: quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện bồi thường một phần trách nhiệm dân sự cho bị hại là 13.060.000 đồng; bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng sâu, vùng xa, vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn; trình độ học vấn thấp (1/12), nhận thức pháp luật có phần hạn chế nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 khi lượng hình đối với bị cáo.

[10] Cần tiếp tục ra quyết định tạm giam đối với bị cáo để đảm bảo thi hành án.

[11] Về hình phạt bổ sung: tại khoản 4 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015 có quy định "*Người phạm tội còn có thể bị cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm, phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm.*", nghề nghiệp trước khi phạm tội của bị cáo N không liên quan đến hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện nên xét thấy không cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo N.

[12] Về trách nhiệm dân sự

[13] Quá trình điều tra và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị hại đề nghị HĐXX buộc bị cáo phải bồi thường cho gia đình bị hại số tiền là 200.799.400 đồng. Bao gồm tiền viện phí là 299.400 đồng, tiền thuê xe đưa từ bệnh viện về nhà 2.500.000 đồng, tiền áo quan 8.000.000 đồng, tiền chi phí tổ chức đám ma 40.000.000 đồng, tiền tổn thất về tinh thần 150.000.000 đồng.

[14] HĐXX xét thấy yêu cầu bồi thường của người đại diện hợp pháp của bị hại là quá cao và không hợp lý. Do đó, căn cứ vào Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 591 Bộ luật Dân sự, vận dụng hướng dẫn tại Mục 2 phần II của Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao chỉ chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường của người đại diện hợp pháp của bị hại và buộc bị cáo N phải bồi thường cho gia đình bị hại các khoản sau:

[15] Khoản tiền viện phí là 299.400 đồng, tiền thuê xe đưa từ bệnh viện về nhà 2.500.000 đồng.

[16] Đối với khoản tiền chi phí mai táng: xử buộc bị cáo N phải bồi thường khoản tiền chi phí hợp lý cho việc mai táng cho gia đình bị hại số tiền là 40.000.000 đồng (bao gồm các khoản tiền mua quan tài, các vật dụng cần thiết cho việc khâm liệm, khăn tang, hương, nến, hoa, thuê xe và các khoản chi phí hợp lý khác phục vụ cho việc chôn cất theo thông lệ chung).

[17] Về khoản tiền bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần: quá trình điều tra xác định những người thân thích thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bị hại bao gồm bố đẻ là ông Vi Trung H1, sinh năm 1978, mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1978, ngoài ra không còn ai khác. Việc bị cáo N thực hiện hành vi phạm tội khiến bị hại chết đã gây tổn thất về tinh thần cho bố, mẹ của bị hại Vi Quang H nên cần buộc bị cáo N phải bồi thường một khoản tiền nhất định để bù đắp tổn thất về tinh thần cho ông H1, bà H2 với mức là 25 tháng lương cơ sở/01 người, cụ thể là $25 \times 1.490.000 \text{ đồng} = 37.250.000 \text{ đồng} \times 2 = 74.500.000 \text{ đồng}$.

[18] Về khoản tiền cấp dưỡng: tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị hại xác nhận đến thời điểm xét xử bố, mẹ của bị hại đều khỏe mạnh và lao động bình thường, bị hại H không có nghĩa vụ phải cấp dưỡng cho ai nên vấn đề cấp dưỡng không đặt ra.

[19] Như vậy, tổng cộng các khoản mà bị cáo Hoàng Văn N phải bồi thường cho gia đình bị hại là 132.199.400 đồng.

[20] Do bị cáo N đã tự nguyện bồi thường số tiền là 13.060.000 đồng (theo biên lai thu số AA/2013/00057 ngày 01/02/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang), nên bị cáo còn phải bồi thường số tiền còn thiếu là 119.139.400 đồng. Do ông H1, bà H2 là vợ chồng và đang cùng sống chung tại địa chỉ thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang nên cần tuyên ông Vi Trung H1 là người đại diện nhận số tiền trên là phù hợp.

[21] Đối với khoản tiền mà bị cáo N đã tự nguyện giao nộp số tiền bồi thường là 13.060.000 đồng tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang theo biên lai thu số AA/2013/00057 ngày 01/02/2021, kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và kể

từ ngày đương sự có đơn yêu cầu thi hành án, Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang có trách nhiệm giao số tiền trên cho gia đình bị hại (do ông Vi Trung H1 là đại diện nhận).

[22] Đối với khoản tiền vay nợ giữa bị cáo và bị hại H: quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo N xác nhận có vay của bị hại H số tiền 12.000.000 đồng, khi vay nợ hai bên không lập biên bản, không có người làm chứng; tại phiên tòa bị cáo N nhất trí trả lại khoản tiền đã vay nêu trên cho gia đình bị hại, người đại diện hợp pháp cho bị hại là ông H1 nhất trí với việc bị cáo tự nguyện trả khoản tiền 12.000.000 đồng. HĐXX thấy thỏa thuận giữa bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại là hoàn toàn tự nguyện nên cần công nhận và tuyên buộc bị cáo N có trách nhiệm hoàn trả cho gia đình bị hại số tiền 12.000.000 đồng.

[23] Xử lý vật chứng

[24] Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cần tuyên tịch thu, tiêu huỷ đối với các vật chứng có liên quan đến việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng.

[25] Chấp nhận ý kiến, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tại phiên tòa về tội danh, hình phạt, trách nhiệm dân sự, vật chứng; không chấp nhận đối với đề nghị miễn án phí.

[26] Không chấp nhận ý kiến, đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa về việc miễn, giảm án phí.

[27] Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[28] Quyền kháng cáo: bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị hại, người có quyền, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn N phạm tội "Giết người".
2. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Hoàng Văn N 16 (mười sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 06/10/2020.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo N.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự quyết định tạm giam bị cáo Hoàng Văn N với thời hạn là 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

3. Về trách nhiệm dân sự: căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 591 Bộ luật Dân sự xử buộc bị cáo Hoàng Văn N có

trách nhiệm bồi thường cho gia đình bị hại số tiền là 132.199.400 đồng, xác nhận bị cáo N đã tự nguyện bồi thường số tiền là 13.060.000 đồng.

Bị cáo Hoàng Văn N còn phải tiếp tục bồi thường số tiền còn thiếu là 119.139.400 đồng cho gia đình bị hại do ông Vi Trung H1, sinh năm 1978; địa chỉ thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang là đại diện nhận.

Công nhận thỏa thuận bị cáo Hoàng Văn N có trách nhiệm hoàn trả cho gia đình bị hại số tiền là 12.000.000 đồng (do ông Vi Trung H1 là đại diện gia đình nhận).

Số tiền nói trên kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Đối với khoản tiền mà bị cáo N đã tự nguyện giao nộp số tiền bồi thường là 13.060.000 đồng tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang theo biên lai thu số AA/2013/00057 ngày 01/02/2021, kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày đương sự có đơn yêu cầu thi hành án, Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang có trách nhiệm giao số tiền trên cho đại diện gia đình bị hại là ông Vi Trung H1, sinh năm 1978; địa chỉ thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang.

4. Về vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy: mẫu chất màu nâu đỏ thu tại vị trí số 4, 5, 6, 8, 9, 10; mẫu chất màu nâu đỏ thu tại vị trí số 2.2, 2.5; 01 dây thắt lưng màu đen; 03 quần bò; 01 áo khoác màu đen (có chữ BOY); 01 mũ lưỡi trai màu đen; 01 đôi dép màu đen có quai (dép tông), có chữ LACOSTE; 01 thanh kim loại có vỏ bọc màu đen (gậy ba khúc); 01 quần vải màu đen; 01 đôi giày màu trắng, xanh, xám, dưới đế giày có số 34; 01 áo dài tay, có kẻ ô màu trắng, đen; 01 gậy bằng kim loại dài 63,6cm, gậy được phân làm đoạn to, nhỏ khác nhau, đoạn to nhất dài 24,1cm, đường kính 2,5cm, đoạn nhỏ nhất dài 19,7cm, đường kính 1,1cm, phần đoạn gậy to nhất được bọc bằng xốp mút màu đen.

Đặc điểm, tình trạng các vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/3/2021 giữa Công an tỉnh Hà Giang và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 6.556.970 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch Tổng cộng là 6.756.970 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị hại, người có quyền, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Trại tạm giam Công an tỉnh;
- PC01, PC02, PC10, PV06 Công an tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Cục THA.DS tỉnh Hà Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Mạnh Cường